

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/DS-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 609/2024/TLST-DS ngày 19/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST – DS ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở chính: 266 - B N, Quận C, tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy T - Chức vụ: Trưởng PGD T - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B.

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Mỹ Ái D1, Chuyên viên khách hàng. (Theo Giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ-PGDTTAM ngày 21/02/2025)

Địa chỉ: H N, phường T, TP P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (bà D1 có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Mỹ Ái D1 trình bày:

Ngày 15/10/2021, bà Nguyễn Thị Kim N có vay tiền của Ngân hàng TMCP S _ Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu _ PGD Thăng T1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam. Bà N được cấp thẻ tín dụng chi tiết như sau:

- + Số thẻ: 472074-7585
- + Số tài khoản thẻ: 3817261963
- + Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)
- + Lãi suất thẻ tại thời điểm ký kết hợp đồng: 28.4%/năm
- + Mục đích sử dụng thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 57.263.664 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.861.196 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở qua tin nhắn, gửi thư thông báo yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bà N trốn tránh, không thanh toán. Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12/2023, nên dư nợ của bà N đã chuyển quá hạn. Do đó, ngân hàng khởi kiện bà N yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim N thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ gốc, lãi phát sinh cụ thể như sau: Nợ gốc đến ngày 24/02/2025 là 9.199.543 đồng (Chín triệu, một trăm chín mươi chín **ngàn**, năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng); Lãi quá hạn đến ngày 24/02/2025 là 3.715.393 đồng (Ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi đến ngày 24/02/2025 là 12.914.936 đồng (Mười hai triệu, chín trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng)

- Ngoài ra, bà Nhiên còn phải thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh sau ngày 24/02/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký cho đến khi bà Nhiên thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà N không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N hoàn trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản vay tính đến ngày 28/3/2025 là:

+ Nợ gốc là 9.199.543 đồng (Chín triệu, một trăm chín mươi chín **ngàn**, năm trăm bốn mươi ba đồng)

+ Lãi quá hạn là 4.088.097 đồng (Bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng)

- Tổng cộng đến ngày 28/03/2025 là 13.287.640 đồng (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng)

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Kim Nhiên phải thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh sau ngày 28/03/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký cho đến khi Bà Nguyễn Thị Kim Nhiên thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S, cụ thể khoản nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 13.287.640 đồng (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng). Buộc bà N tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 29/3/2025 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Kim N với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N cư trú tại phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và trong thời hạn khởi kiện.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Ngân hàng thương mại cổ phần S là một tổ chức tín dụng nên tổ chức và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần S ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021 với bà Nguyễn Thị Kim N là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng được ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Bên cạnh đó, tại Mục Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021 thể hiện nội dung “*Bằng việc ký vào giấy này, tôi xác nhận rằng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1, Điều khoản và Điều kiện cùng với Giấy đề nghị tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa tôi và S1*”. Như vậy, Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021 tạo thành hợp đồng pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ của ngân hàng và bà N.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện nhiều giao dịch (chi tiết thể hiện tại Tóm tắt sao kê ngày 24/02/2025) với tổng số tiền là 57.263.664 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.861.196 đồng. Do bà N không thanh toán đúng nội dung đã thỏa thuận nên đến ngày 11/04/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 9.199.543 đồng thành nợ gốc. Và khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi còn nợ.

[2.2.1]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình vay và thanh toán của mình, tuy nhiên bà N từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Nên căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 9.199.543 đồng (Chín triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

[2.2.2]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất $150 \times 30,4\%$ của số tiền 9.199.543 đồng, tính từ ngày 11/4/2024 đến ngày 28/3/2025 là: 4.088.097 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà N không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận tại Điều 18 về Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Nên căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021” và Khoản 1.24 Điều 1, Khoản 24.4 Điều 24 về Vi phạm của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, toàn bộ dư nợ vi phạm nghĩa vụ

thanh toán của bà N sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn, tức 150% lãi suất công bố theo Biểu phí tại thời điểm vi phạm là **30,4%/năm**. Mức lãi suất ngân hàng yêu cầu là phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, Khoản 1, 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Khoản 1 Điều 5 Thông tư **số 19/2016/TT-NHNN** ngày 30/06/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng nên được chấp nhận. Về thời gian tính lãi quá hạn: Do thời điểm chuyển nợ quá hạn bắt đầu từ ngày 11/4/2024, nên việc tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày 11/4/2024 là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu thanh toán lãi quá hạn của ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà N phải thanh toán cho ngân hàng S là: 13.287.640 đồng (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng)

Bà N còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2025 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 13.287.640 đồng là: 664.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 11, Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1;

Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết **số 01/2019/NQ-HĐTP** ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết **số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Kim N về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim N thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 13.287.640 đồng (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là 9.199.543 đồng (Chín triệu, một trăm chín mươi chín **ngàn**, năm trăm bốn mươi ba đồng)

+ Lãi quá hạn là 4.088.097 đồng (Bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng)

Bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 103/TTD-PGDT.Tam ngày 15/10/2021 cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp số tiền 664.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

H lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004108 ngày 15/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TP. Phú Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thảo Nguyên